

Biểu phí và Lãi suất thẻ Liobank (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-TGD ngày xx/xx/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông)

1. Biểu phí

STT	Loại phí	Mức phí
1.	Phí mở tài khoản	Miễn phí
2.	Phí quản lý tài khoản	Miễn phí
3.	Phí phát hành thẻ	Miễn phí
4.	Phí thường niên thẻ	Miễn phí
5.	Phí cấp lại thẻ và/hoặc PIN	Miễn phí
6.	Phí giao thẻ vật lý	Miễn phí
7.	Phí thanh lý thẻ	Miễn phí
8.	Phí rút tiền mặt tại ATM của OCB (không có tính năng rút tiền mặt tại POS của OCB)	
a.	Rút tiền từ Số Dư có khả dụng	0%
b.	Rút tiền từ Hạn mức tín dụng	4%
9.	Phí rút tiền mặt tại ATM/POS của Ngân hàng khác OCB	
a.	Rút tiền từ Số Dư có khả dụng	1%
b.	Rút tiền từ Hạn mức tín dụng	4%
10.	Phí nạp tiền vào tài khoản/thẻ tại quầy Đơn vị kinh doanh của OCB	Miễn phí
11.	Phí nhận tiền nhanh qua MasterCard (Money Send)	50.000 VND/lần
12.	Phí xử lý giao dịch bằng ngoại tệ	2% số tiền giao dịch

13.	Phí xử lý giao dịch bằng VND tại Đại lý nước ngoài	1% số tiền giao dịch
STT	Loại phí	Mức phí
14.	Phí tra soát giao dịch (Chỉ thu khi KH khiếu nại không chính xác giao dịch)	100.000 VND/lần
15.	Các loại phí áp dụng đối với Thẻ được cấp HMTD	
a.	<i>Phí thay đổi HMTD</i>	Miễn phí
b.	<i>Phí vượt HMTD (thẻ phát sinh ghi nợ khoản phí/lãi vượt quá HMTD đã được cấp)</i>	Không thu phí
c.	<i>Phí chậm thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu</i>	Chậm 01 lần: 200.000 VND/kỳ Chậm 02 lần liên tiếp trở lên: 400.000 VND/kỳ
16.	<i>Các loại phí áp dụng đối với Dịch vụ chuyển đổi trả góp.</i>	
a.	<i>Phí chuyển đổi giao dịch trả góp</i>	1.7%/ tháng tính trên số tiền gốc đăng ký trả góp
b.	<i>Phí chấm dứt trả góp trước hạn</i>	2% dư nợ trả góp còn lại
17.	Các loại phí dịch vụ khác	
a.	<i>Phí thanh toán trực tuyến</i>	Miễn phí
b.	<i>Phí in liệt kê 5 giao dịch gần nhất tại ATM của OCB</i>	Miễn phí
c.	<i>Phí đổi PIN tại ATM</i>	Miễn phí
d.	<i>Phí truy vấn số dư tại ATM</i>	Miễn phí
e.	<i>Phí chuyển khoản tại ATM</i>	Không có tính năng chuyển khoản trên ATM
f.	<i>Phí đổi PIN tại POS của OCB</i>	Miễn phí
g.	<i>Phí truy vấn số dư tại POS của OCB</i>	Miễn phí

Ghi chú: Đối với giao dịch bằng ngoại tệ, chấp nhận tỷ giá tại thời điểm Khách hàng thực hiện giao dịch, không thu/phong tỏa số tiền dự phòng biến động tỷ giá.

2. Lãi suất

- Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn áp dụng trên Số dư Có: 0.5%/năm
- Lãi suất Dư nợ thẻ:
 - Lãi suất trong hạn: 35%/năm
 - Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất Dư nợ thẻ trong hạn

Biểu phí giao dịch trên ứng dụng Liobank

(Ban hành kèm theo Quyết định số xxx/2023/QĐ-TGD ngày xx/xx/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông)

Loại phí	Mức phí
Phí đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử	Miễn phí
Phí thường niên sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử	Miễn phí
Chuyển khoản nội bộ (P2P)	Miễn phí
Chuyển khoản đến tài khoản Ngân hàng khác	Miễn phí
Thanh toán hóa đơn tiện ích	Miễn phí
Phí đăng ký FACE OTP	Miễn phí
Phí đổi PIN	Miễn phí
Các tính năng khác trên ứng dụng Liobank chưa được đề cập trong Biểu phí này	Miễn phí

Hạn mức giao dịch tài khoản, thẻ và ứng dụng Liobank

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-TGD ngày xx/xx/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông)

1. Hạn mức giao dịch theo loại hình và phạm vi giao dịch

Loại hình và phạm vi giao dịch			Hạn mức giao dịch tối đa		
			Full KYC	eKYC	
1. Tổng Hạn mức Rút tiền mặt tại ATM tối đa			VND/lần	10,000,000	10,000,000
			VND/ngày	80,000,000	50,000,000
			VND/tháng	800,000,000	100,000,000
Trong đó:	Trong nước	VND/lần	10,000,000	10,000,000	
		VND/ngày	50,000,000	50,000,000	
		VND/tháng	400,000,000	100,000,000	
	Nước ngoài	VND/lần	10,000,000	0	
		VND/ngày	30,000,000	0	
		VND/tháng	400,000,000	0	
2. Tổng Hạn mức Rút tiền mặt tại POS tối đa			VND/lần	10,000,000	10,000,000
			VND/ngày	80,000,000	50,000,000
			VND/tháng	800,000,000	100,000,000
Trong đó:	Trong nước	VND/lần	10,000,000	10,000,000	
		VND/ngày	50,000,000	50,000,000	
		VND/tháng	400,000,000	100,000,000	
Loại hình và phạm vi giao dịch			Hạn mức giao dịch tối đa		
			Full KYC	eKYC	
	Nước ngoài	VND/lần	10,000,000	0	
		VND/ngày	30,000,000	0	

		VND/tháng	400,000,000	0
3. Tổng Hạn mức Giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ qua POS tối đa (Giao dịch Sale/Retail)		VND/lần	200,000,000	100,000,000
		VND/ngày	400,000,000	100,000,000
		VND/tháng	800,000,000	100,000,000
		VND/tháng	800,000,000	100,000,000
Trong đó:	Trong nước	VND/lần	200,000,000	100,000,000
		VND/ngày	200,000,000	100,000,000
		VND/tháng	400,000,000	100,000,000
	Nước ngoài	VND/lần	200,000,000	0
		VND/ngày	200,000,000	0
		VND/tháng	400,000,000	0
4. Thanh toán trực tuyến (Ecommerce) tối đa				
<u>Lưu ý</u>		VND/lần	200,000,000	100,000,000
<ul style="list-style-type: none"> - Hạn mức thanh toán trực tuyến tối đa mặc định ngay sau khi mở tài khoản và thẻ là 5,000,000 VND/tháng. - Khách hàng có thể tự điều chỉnh tăng/giảm hạn mức thanh toán trực tuyến trên ứng dụng Liobank nhưng không quá hạn mức được quy định tại mục này. - Đối với thẻ và tài khoản eKYC: không cho phép thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến (Ecommerce) tại nước ngoài. 		VND/ngày	Không quy định	Không quy định
		VND/tháng	400,000,000	100,000,000

Lưu ý:

- Số lần giao dịch tối đa/ngày của mỗi loại giao dịch: 30 lần.
- Hạn mức Rút tiền mặt tại ATM/POS, Hạn mức Giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ qua POS của tài khoản Ekyc áp dụng đối với Khách hàng có sử dụng Google Wallet¹ trên điện thoại hệ điều hành Android đã liên kết với thẻ phi vật lý Liobank.”

¹ Google Wallet là ứng dụng thanh toán được phát triển bởi Google, cho phép chủ thẻ Liobank (bao gồm thẻ vật lý và thẻ phi vật lý) thực hiện rút tiền mặt hoặc thanh toán tại các đơn vị chấp nhận thẻ bằng cách chạm điện thoại Androi vào ATM/máy POS có biểu tượng Google Pay hoặc Contactless có hỗ trợ NFC

2. Hạn mức giao dịch trên ứng dụng Liobank

Loại giao dịch		Hạn mức giao dịch			
		Full KYC		eKYC	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Chuyển khoản trong Liobank	VND/lần	1	100.000.000	1	100.000.000
	VND/ngày	Không quy định	500.000.000	Không quy định	100.000.000
	VND/tháng	Không quy định	1.000.000.000	Không quy định	100.000.000
Chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng khác	VND/lần	1.000	100.000.000	1.000	100.000.000
	VND/ngày	Không quy định	500.000.000	Không quy định	100.000.000
	VND/tháng	Không quy định	1.000.000.000	Không quy định	100.000.000
Thanh toán hóa đơn tiện ích	VND/lần	1	50.000.000	1	50.000.000
	VND/ngày	Không quy định	200.000.000	Không quy định	100.000.000
	VND/tháng	Không quy định	500.000.000	Không quy định	100.000.000
Loại giao dịch		Hạn mức giao dịch			
		Full KYC		eKYC	
		Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
Mobile top up ²	VND/lần	1.000	1.000.000	1.000	1.000.000
	VND/ngày	Không quy định	100.000.000	Không quy định	100.000.000
	VND/tháng	Không quy định	200.000.000	Không quy định	100.000.000
VnPayQR	VND/lần	1	200.000.000	1	100.000.000

² Hạn mức giao dịch Mobile Top-up theo quy định hạn mức giao dịch do (các) nhà mạng viễn thông cung cấp nhưng không vượt quá hạn mức do OCB quy định tại Phụ lục này.

VND/ngày	Không quy định	200.000.000	Không quy định	100.000.000
VND/tháng	Không quy định	400.000.000	Không quy định	100.000.000

3. Tổng hạn mức giao dịch trên thẻ và tài khoản Liobank

- Đối với tất cả loại hình và phạm vi giao dịch (bao gồm giao dịch trên ứng dụng Liobank), tổng hạn mức giao dịch trên thẻ và tài khoản Liobank không được vượt quá:

Tổng Hạn Mức Giao Dịch Trên Thẻ và Tài Khoản Liobank	
Full KYC	eKYC
400.000.000 VND/1 lần	100.000.000 VND/1 lần
1.000.000.000 VND/1 tháng	100.000.000 VND/1 tháng